TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/HNGĐ-PT
Ngày 21-5-2019
V/v tranh chấp tài sản chung, nợ chung sau ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh Tuyết

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Thanh Thái

Ông Nguyễn Văn Quản

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Hoàng Huy là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2019/TLPT-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2019 về việc "Tranh chấp tài sản chung, nợ chung sau ly hôn".

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 01/2019/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 01 năm 2019 của Toà án nhân dân thị xã LG bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 06/2019/QĐ-PT ngày 18 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1962 (có mặt)
Địa chỉ: Khu phố 2, phường TA, thị xã LG, tỉnh Bình Thuận.

- *Bị đơn*: Bà Bùi Thị H1, sinh năm 1965 (có mặt)
Địa chỉ: Khu phố 2, phường TA, thị xã LG, tỉnh Bình Thuận.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:
Ông Phan Trịnh Đăng Kh, sinh năm 1982 và bà Đỗ Thị Kim H, sinh năm 1990 (cả hai đều có đơn xin xét xử vắng mặt)
Cùng địa chỉ: 62 HHTh, phường Ph H, thị xã LG, tỉnh Bình Thuận.

- *Người kháng cáo*: Bị đơn bà Bùi Thị H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 31 tháng 5 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Trước đây ông H và bà H1 tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1997, đến năm 2000 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T Th, huyện H T (cũ), nay là phường T Th, thị xã LG.

Vào năm 2015, ông H và bà H1 ly hôn theo quyết định số 228/2015/HNGĐ-ST, ngày 28/9/2015 của Tòa án nhân dân thị xã LG. Mặc dù đã ly hôn nhưng về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân chưa được giải quyết.

Trong thời kỳ hôn nhân, để xoay sở kinh tế gia đình vợ chồng ông H bà H1 có vay số tiền 14.688.000 đồng vào ngày 07/02/2014 của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (VP Bank).

Nay ông H khởi kiện yêu cầu giải quyết chia tài sản chung là căn nhà và đất, cụ thể là căn nhà xây cấp 4 có diện tích 108 m^2, tọa lạc trên diện tích đất 123 m^2, tại hẻm 47, khu phố 2, phường TA, thị xã LG, tỉnh Bình Thuận, giấy CNQSD đất đứng tên Bùi Thị H1 và khoản nợ chung vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (VP Bank).

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, ông H xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu chia tài sản chung là quyền sử dụng đất và không yêu cầu giải quyết khoản nợ của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (VP Bank). Hiện nay ông H chỉ yêu cầu giải quyết chia đôi giá trị căn nhà xây cấp4, ông H xin nhận ½ giá trị căn nhà (nhận tiền mặt).

Việc bà H1 có yêu cầu phản tố yêu cầu thanh toán lại ½ khoản nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân do trước đây vay của Ngân hàng NN&PTNT Chi nhánh thị xã LG, tỉnh Bình Thuận (vay 20 triệu đồng) mà bà H1 đã đứng ra tất toán thì ông H đồng ý.

Đối với những khoản tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và hợp đồng đo đạc đất do ông H đã nộp tạm ứng trước và Hội đồng đã chi đủ. Tại phiên tòa, ông H trình bày tự nguyện nộp, không yêu cầu xem xét.

**Theo đơn yêu cầu phản tố ngày 18/9/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Bùi Thị H1 trình bày:*

Bà H1 thừa nhận thời gian chung sống, thời gian đăng ký kết hôn và thời gian ly hôn đúng như ông H trình bày.

Nhưng bà H1 không đồng ý chia tài sản chung là căn nhà + đất (tọa lạc tại tại hẻm 47, khu phố 2, phường TA, thị xã LG, tỉnh Bình Thuận). Vì bản thân ông H không có đóng góp tiền bạc hay công sức trong căn nhà trên. Còn thửa đất tranh chấp có nguồn gốc trước đây do cha ruột tặng cho riêng bà H1 (cụ Bùi Văn C), bà H1 là người đúng tên chủ quyền trong giấy CNQSD đất.

Trong thời gian chung sống, do không có tiền xây nhà nên bà H1 bán một phần diện tích đất để lấy tiền cất nhà. Cụ thể vào năm 2004, bán 120 m^2 đất cho bà Nguyễn Thị Thanh V, sinh năm 1965 (chủ cây xăng Hoàng Ty tại xã TH, huyện HT) với số tiền 26 triệu đồng và bán 64 m^2 đất cho ông Nguyễn Cao Ng (ở TA) với số tiền 9.500.000 đồng, tổng cộng tiền bán đất 35.500.000 đồng. Căn nhà xây dựng vào năm 2004 với toàn bộ chi phí khoảng 28 triệu đồng.

Đồng thời bà H1 và ông H có vay nợ của Ngân hàng NN&PTNT Chi nhánh thị xã LG, tỉnh Bình Thuận 20 triệu đồng để chăn nuôi gà; vay nợ của Ngân hàng Đông Á Chi nhánh thị xã LG, tỉnh Bình Thuận 10 triệu đồng để mua thức ăn chăn nuôi gà; vay nợ của Ngân hàng Chính sách xã hội Chi nhánh thị xã LG, tỉnh Bình Thuận 04 triệu đồng khoản vay nước sạch; vay nợ của bà Trần Thị T 08 triệu đồng; bà Trần Thị Ánh H 03 triệu đồng; ông M 03 triệu đồng. Các khoản nợ chung tổng cộng 48 triệu đồng, tổng số nợ này bà H1 tự một mình đứng ra xoay sở trả tất. Vì vậy bà H1 yêu cầu ông H thanh toán lại ½ số tiền 48 triệu đồng.

Riêng khoản nợ vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (VP Bank) 14.688.000 đồng mà ông H yêu cầu giải quyết chia đôi nghĩa vụ thanh toán thì bà H1 cũng không đồng ý, vì khoản vay này ông H tự vay bà H1 không hay biết, không tham gia ký bất kỳ tờ giấy nào.

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, bà H1 xin rút lại một phần yêu cầu phản tố, tức hiện nay bà H1 chỉ yêu cầu thanh toán lại ½ khoản nợ 20 triệu đồng (10 triệu đồng) của Ngân hàng NN&PTNT Chi nhánh thị xã LG trước đây do bà H1 đã đứng ra tất toán, còn các khoản nợ khác bà H1 chỉ trình bày cho biết chứ không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, vào năm 2017 bà H1 đã bán nhà đất trên cho vợ chồng ông Khoa, giá bán đất thực tế 630 triệu đồng (do căn nhà cũ kỹ xuống cấp nên không tính giá trị). Theo bà H1 tài sản này là tài sản riêng của bà H1 nên bà được quyền đứng ra bán cho người khác. Hiện nay vợ chồng ông Kh là người đứng tên chủ quyến đất, do không có chỗ ở nên bà H1 thuê lại nhà đất trên để ở tạm.

Quá trình làm việc, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vợ chồng ông Phan Trịnh Đăng Kh, bà Đỗ Thị Kim H, thể hiện:

Vào ngày 25/10/2017, giữa bà H1 và vợ chồng ông Kh có thỏa thuận mua bán căn căn nhà + đất (tọa lạc tại hẻm 47, khu phố 2, phường TA, thị xã LG, tỉnh Bình Thuận), giấy CNQSD đất đứng tên bà H1. Vợ chồng ông Kh không biết tài sản trên đang tranh chấp, do căn nhà cũ kỹ xuống cấp nên không tính giá trị, chỉ mua đất giá thực tế 630 triệu đồng. Sau khi mua bán, hai bên đã hoàn tất thủ tục sang tên, vợ chồng ông Kh là người đứng tên chủ quyền đất hiện nay. Nhà đất trên hiện vợ chồng ông Kh cho bà H1 thuê lại sử dụng; Tại phiên tòa, vợ chồng ông Kh có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ngày 09/01/2019, Tòa án nhân dân thị xã LG đã đưa vụ án ra xét xử tại Bản án số 01/2019/HNGĐ-ST, quyết định:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 1 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự;

- Điều 3, 29, 33, 37, 38, 59 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điều 213, 357, 468 Bộ luật dân sự;

- Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 về án phí, lệ phí Toà án ngày 27/02/2009;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H về việc yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn là giá trị căn nhà xây cấp 4, tọa lạc tại hẻm 47, khu phố 2, phường TA, thị xã LG, tỉnh Bình Thuận.

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H và bị đơn bà Bùi Thị H1 mỗi người được hưởng ½ giá trị căn nhà xây cấp 4, tọa lạc tại hẻm 47, khu phố 2, phường TA, thị xã LG, tỉnh Bình Thuận. Buộc bị đơn bà Bùi Thị H1 thanh toán lại cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn H phần giá trị tài sản chung được chia là 56.592.000 đồng (năm mươi sáu triệu năm trăm chín mươi hai ngàn đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về việc yêu cầu nguyên đơn ông Nguyễn Văn H thanh toán lại số tiền nợ chung 10.000.000 đồng trong thời kỳ hôn nhân.

Công nhận sự thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn, nguyên đơn ông Nguyễn Văn H phải thanh toán lại cho bị đơn bà Bùi Thị H1 số tiền nợ 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

3. Sau khi khấu trừ số tiền nợ (10.000.000 đồng) vào phần giá trị tài sản chung được chia (56.592.000 đồng), bị đơn bà Bùi Thị H1 còn phải thanh toán lại cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn H số tiền 46.592.000 đồng (bốn mươi sá.u triệu năm trăm chín mươi hai ngàn đồng).

4. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia tài sản chung, nợ chung sau khi ly hôn là thửa đất có diện tích 135,4 m^2, tọa lạc tại hẻm 47, khu phố 2, phường TA, thị xã LG, tỉnh Bình Thuận và khoản nợ của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (VP Bank).

5. Đình chỉ một phần yêu cầu phản tố của bị đơn về việc yêu cầu thanh toán các khoản nợ: Ngân hàng Đông Á Chi nhánh thị xã LG; Ngân hàng Chính sách xã hội Chi nhánh thị xã LG; bà Trần Thị T; bà Trần Thị Ánh H và ông M.

6. Về án phí: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H và bị đơn bà Bùi Thị H1 mỗi người phải chịu 2.829.600 đồng án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung, bên cạnh đó ông Nguyễn Văn H còn phải chịu 500.000 đồng án phí dân

sự sơ thẩm về giải quyết nợ chung. Đối với bà H1 được khấu trừ vào 600.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 0017520 ngày 06/11/2017, của Chi cục thi hành án dân sự thị xã LG. Bà H1 còn phải nộp 2.229.600 đồng tiền án phí.

Đối với ông Nguyễn Văn H được khấu trừ vào 3.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 0010335 ngày 09/6/2017, của Chi cục thi hành án dân sự thị xã LG. Hoàn trả cho ông H 170.400 đồng tiền tạm ứng án phí.

Ngoài ra, bản án còn tuyên nghĩa vụ do chậm thi hành án,các quy định của Luật thi hành án dân sự và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự biết.

Ngày 19/01/2019, bị đơn bà Bùi Thị H1 kháng cáo toàn bộ phần quyết định của Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 01/2019/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 01 năm 2019 của Toà án nhân dân thị xã LG.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn bà Bùi Thị H1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo toàn bộ phần quyết định của Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 01/2019/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 01 năm 2019 của Toà án nhân dân thị xã LG.

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H đề nghị xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận phát biểu việc kiểm sát tuân theo pháp luật trong vụ án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng chấp hành pháp luật; Kháng cáo của bị đơn bà Bùi Thị H1 là không có căn cứ, đề nghị xử giữ y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời khai của đương sự và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Trịnh Đăng Kh và bà Đỗ Thị Kim H có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự xử vắng mặt ông Kh, bà H.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H khởi kiện tranh chấp tài sản chung, nợ chung sau ly hôn với bị đơn bà Bùi Thị H1. Bà H1 cũng có yêu cầu phản tố, yêu cầu ông H thanh toán lại ½ số tiền 48 triệu đồng là khoản nợ chung của hai người. Tuy nhiên, sau đó ông H xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu chia tài sản chung là quyền sử dụng đất và không yêu cầu giải quyết khoản nợ của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (VP Bank). Ông H chỉ yêu cầu giải quyết chia đôi giá trị căn nhà xây cấp 4, tọa lạc trên diện tích đất 123 m^2, tại hẻm 47, khu phố 2, phường TA, thị xã LG, tỉnh

Bình Thuận. Bà H1 cũng xin rút lại một phần yêu cầu phản tố, chỉ yêu cầu thanh toán lại ½ khoản nợ 20 triệu đồng (10 triệu đồng) của Ngân hàng NN&PTNT Chi nhánh thị xã LG, tỉnh Bình Thuận, không yêu cầu giải quyết các khoản nợ của Ngân hàng Đông Á Chi nhánh thị xã LG; Ngân hàng Chính sách xã hội Chi nhánh thị xã LG; bà Trần Thị T; bà Trần Thị Ánh H và ông M. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã đình chỉ đối với việc rút các yêu cầu này của ông H và bà H1 là phù hợp.

Ngoài ra, do ông H đồng ý với yêu cầu phản tố của bà H1 về việc thanh toán lại ½ khoản nợ chung 20 triệu đồng mà hai người đã vay của Ngân hàng NN&PTNT Chi nhánh thị xã LG, tỉnh Bình Thuận, theo đó ông H sẽ thanh toán lại cho bà H1 số tiền 10 triệu đồng. Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên nên đã công nhận sự thỏa thuận này là hoàn toàn phù hợp theo quy định của pháp luật.

Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy kháng cáo của bà H1 đối với phần quyết định này của Hội đồng xét xử sơ thẩm là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Đối với phần quyết định chia tài sản chung là căn nhà cấp 4 tọa lạc trên diện tích đất 123 m^2, tại hẻm 47, khu phố 2, phường TA, thị xã LG, tỉnh Bình Thuận, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Ông H và bà H1 đều thừa nhận hai ông bà sống chung vào năm 1997, đăng ký kết hôn năm 2000 và ly hôn vào năm 2015. Bà H1 khai bà xây căn nhà cấp 4 này vào năm 2004, tức là trong thời kỳ hôn nhân của hai ông bà. Tuy nhiên, bà H1 khai rằng ông H không có đóng góp tiền bạc hay công sức trong căn nhà trên, việc xây nhà là do bà H1 bán một phần diện tích đất mà cha ruột bà tặng cho để lấy tiền cất nhà. Mặc dù vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác minh, thu thập chứng cứ, làm việc với những người làm chứng mà bà H1 đề nghị nhưng không có cơ sở để cho rằng nguồn gốc căn nhà này là do bà H1 bán đất để xây dựng nên và bà H1 không cũng cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh căn nhà xây cấp 4 này là tài sản riêng của bà. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định căn nhà này là tài sản chung của ông H, bà H1 trong thời kỳ hôn nhân là có căn cứ. Từ đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm quyết định cho ông H, bà H1, mỗi người được hưởng ½ giá trị căn nhà là phù hợp.

Tuy nhiên, vào ngày 25/10/2017 bà H1 đã tự sang nhượng nhà + đất tranh chấp cho vợ chồng ông Phan Trịnh Đăng Kh, bà Đỗ Thị Kim H với giá thực tế là 630.000.000 đồng nên cần tuyên buộc bà H1 thanh toán lại ½ giá trị căn nhà cho ông H. Mặc dù vậy, cả bà H1 và vợ chồng ông Khoa, bà Hoa đều không xác định được giá trị căn nhà sang nhượng là bao nhiêu mà đều trình bày số tiền 630.000.000 đồng là giá trị sang nhượng thửa đất (căn nhà đã cũ kỹ xuống cấp nên không tính). Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã căn cứ biên bản định giá tài sản ngày 21/9/2018 và số liệu theo bản vẽ do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã LGcung cấp để xác định giá trị căn nhà còn lại, cụ thể:

Tổng diện tích căn nhà xây (gồm 03 gian), có diện tích 117,9 m^2 (trong đó có 11,2 m^2nằm trong chỉ giới quy hoạch giao thông);

Như vậy: 117,9 m^2 x3.200.000 đồng/1m^2 x30% = 113.184.000 đồng.

Ông H, bà H1, mỗi người được hưởng ½ giá trị căn nhà: 113.184.000 đồng : 2 = 56.592.000 đồng (năm mươi sáu triệu năm trăm chín mươi hai ngàn đồng) là có căn cứ.

Do ông H đồng ý thanh toán số tiền 10 triệu đồng là khoản nợ chung mà hai bên đã vay của Ngân hàng NN&PTNT Chi nhánh thị xã LG, tỉnh Bình Thuận cho bà H1 nên Hội đồng xét xử sơ thẩm đã khấu trừ số tiền này, buộc bà H1 phải thanh toán lại cho ông H số tiền: 56.592.000 đồng – 10.000.000 đồng = 46.592.000 đồng là phù hợp.

[4] Đối với phần án phí sơ thẩm: Hội đồng xét xử sơ thẩm đã xem xét phần án phí sơ thẩm đúng theo quy định của pháp luật nên yêu cầu kháng cáo đối phần quyết định này của bà H1 cũng là không có căn cứ.

[5] Với những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy kháng cáo của bị đơn bà Bùi Thị H1 không có cơ sở để chấp nhận mà nghĩ nên xử giữ nguyên bản án sơ thẩm đã tuyên.

[6] Do Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm nên bà Bùi Thị H1 phải chịu án phí phúc thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Bùi Thị H1. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 01/2019/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 01 năm 2019 của Toà án nhân dân thị xã LG.

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; Điều 38, 148; khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 3, 29, 33, 37, 38, 59 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điều 357, 468 Bộ luật dân sự;

- Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 về án phí, lệ phí Toà án ngày 27/02/2009;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H về việc yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn là giá trị căn nhà xây cấp 4, tọa lạc tại hẻm 47, khu phố 2, phường TA, thị xã LG, tỉnh Bình Thuận.

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H và bị đơn bà Bùi Thị H1 mỗi người được hưởng ½ giá trị căn nhà xây cấp 4**,** tọa lạc tại hẻm 47, khu phố 2, phường TA, thị xã LG, tỉnh Bình Thuận. Buộc bị đơn bà Bùi Thị H1 thanh toán lại cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn H phần giá trị tài sản chung được chia là 56.592.000 đồng (năm mươi sáu triệu năm trăm chín mươi hai ngàn đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về việc yêu cầu nguyên đơn ông Nguyễn Văn H thanh toán lại số tiền nợ chung 10.000.000 đồng trong thời kỳ hôn nhân.

Công nhận sự thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn, nguyên đơn ông Nguyễn Văn H phải thanh toán lại cho bị đơn bà Bùi Thị H1 số tiền nợ 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

3. Sau khi khấu trừ số tiền nợ (10.000.000 đồng) vào phần giá trị tài sản chung được chia (56.592.000 đồng), bị đơn bà Bùi Thị H1 còn phải thanh toán lại cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn H số tiền 46.592.000 đồng (bốn mươi sá.u triệu năm trăm chín mươi hai ngàn đồng).

4. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia tài sản chung, nợ chung sau khi ly hôn là thửa đất có diện tích 135,4 m^2, tọa lạc tại hẻm 47, khu phố 2, phường TA, thị xã LG, tỉnh Bình Thuận và khoản nợ của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (VP Bank).

5. Đình chỉ một phần yêu cầu phản tố của bị đơn về việc yêu cầu thanh toán các khoản nợ: Ngân hàng Đông Á Chi nhánh thị xã LG; Ngân hàng Chính sách xã hội Chi nhánh thị xã LG; bà Trần Thị T; bà Trần Thị Ánh H và ông M.

6. Về án phí: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H và bị đơn bà Bùi Thị H1, mỗi người phải chịu 2.829.600 đồng án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung, bên cạnh đó ông Nguyễn Văn H còn phải chịu 500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về giải quyết nợ chung.

Đối với bà H1 được khấu trừ vào 600.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 0017520 ngày 06/11/2017, của Chi cục thi hành án dân sự thị xã LG. Bà H1 còn phải nộp 2.229.600 đồng tiền án phí.

Đối với ông Nguyễn Văn H được khấu trừ vào 3.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 0010335 ngày 09/6/2017, của Chi cục thi hành án dân sự thị xã LG. Hoàn trả cho ông H 170.400 đồng tiền tạm ứng án phí.

Bà Bùi Thị H1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà bà H1 đã nộp tại biên lai thu tiền số 0022076 ngày 21/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã LG. Bà Bùi Thị H1 đã nộp đủ tiền án phí phúc thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả

cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (21/5/2019).

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TAND thị xã LG;
- THADS thị xã LG;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Thị Ánh Tuyết